CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Trụ sở: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031.3614018 - Fax: 031.3614016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03 - Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: (84 4) 9745081/82 Fax: (84 4) 9745083

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Trụ sở: Số 189 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031.3614017 - Fax: 031.3614016

NỘI DUNG	Trang số
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/12/2010	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2010	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2010	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010	10 – 24

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0200793081** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Theo đó;

Vốn điều lệ : 100.800.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Vốn góp thực tế : 100.795.330.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)

Tên giao dịch quốc tế : DUYEN HAI MULTI MODAL TRANSPORT

Địa chỉ trụ sở chính : Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch HĐQT	20/04/2008	T4/2013
Ông Lê Thái Cường	ủy viên	20/04/2008	T4/2013
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	ủy viên	10/04/2010	T4/2013
Ông Nguyễn Văn Tưởng	ủy viên	20/04/2008	10/04/2010
Bà Lê Thị Hồng Hạnh	ủy viên	20/04/2008	10/04/2010
Ông Lê Văn Dò	ủy viên	10/04/2010	T4/2013
Bà Vũ Thị Phú	ủy viên	20/04/2008	T4/2013

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Chung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

2. Các công ty con

- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Duyên Hải
- Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Vận tải hàng hoá ven biển; Vận tải hàng hoá viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, bán rơ moóc;
- Dịch vụ khai thác cảng biển, khai thác cảng thông quan nội địa, dịch vụ XNK hàng hoá;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nước hoa , hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)

4. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) là đơn vị được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

5. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã;

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách kế toán này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán của Việt Nam;

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Kể từ ngày 12/01/2011, Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải thực hiện phát hành thêm 2.790.467 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược giá 12.500 đ/CP theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29/10/2010.

Thay mặt, Đại diện cho:
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

SĐKKD:0200793081-CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI TP HẢI PHÒNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
NGUYỄN ĐÌNH CHUNG
Hải phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2011.

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS
Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Số: /CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 10 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã:

a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

b) Phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên	**Phó Tổng Giám đốc**
Nguyễn Thị Phấn	**Trần Thị Kim Thoa**
Chứng chỉ Kiểm toán viên	*Chứng chỉ Kiểm toán viên*
Số: 0928/KTV	*Số: 1303/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**44.449.121.143**	**55.468.677.616**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.123.930.610**	**16.585.854.761**
1. Tiền	111	V.01	2.123.930.610	16.585.854.761
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**31.331.721.533**	**27.047.260.103**
1. Phải thu khách hàng	131		21.610.292.425	17.907.613.962
2. Trả trước cho người bán	132		3.726.512.068	3.618.562.984
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02	6.388.550.026	5.907.022.248
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(393.632.986)	(385.939.091)
VI. Hàng tồn kho	**140**		**6.394.154.486**	**3.785.978.061**
1. Hàng tồn kho	141	V.03	6.394.154.486	3.785.978.061
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.599.314.514**	**8.049.584.691**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		465.609.024	341.199.717
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	225.237.992	954.963.735
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.908.467.498	6.753.421.239
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**137.656.613.026**	**131.096.180.067**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**98.773.410.649**	**87.887.287.772**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	75.913.803.510	72.117.892.001
- Nguyên giá	*222*		*101.227.234.663*	*92.535.482.879*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(25.313.431.153)*	*(20.417.590.878)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	3.176.357.618	3.845.064.578
- Nguyên giá	*225*		*5.349.655.238*	*5.349.655.238*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*226*		*(2.173.297.620)*	*(1.504.590.660)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.775.185.896	2.930.675.800
- Nguyên giá	*228*		*4.025.602.015*	*4.025.602.015*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*229*		*(1.250.416.119)*	*(1.094.926.215)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	16.908.063.625	8.993.655.393
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3.500.000.000**	**3.500.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.500.000.000	3.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.072.422.207**	**2.234.264.604**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.072.422.207	2.234.264.604
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	
VI. Lợi thế thương mại	**269**	V.10	**33.310.780.170**	**37.474.627.691**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**182.105.734.169**	**186.564.857.683**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2010

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**63.090.392.549**	**70.201.290.667**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**49.782.113.205**	**55.861.475.634**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	29.200.771.337	37.598.643.512
2. Phải trả người bán	312		11.240.014.251	10.339.139.099
3. Người mua trả tiền trước	313		138.068.598	1.083.362.440
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.873.382.337	3.020.708.843
5. Phải trả người lao động	315		2.099.544.651	1.942.995.753
6. Chi phí phải trả	316	V.13	105.290.224	281.828.031
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	3.438.877.512	675.262.024
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		686.164.295	919.535.932
II. Nợ dài hạn	**330**		**13.308.279.344**	**14.339.815.033**
1. Phải trả dài hạn khác	333		479.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	12.829.279.344	14.339.815.033
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**118.493.413.466**	**115.901.467.146**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**118.493.413.466**	**115.901.467.146**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.795.330.000	100.795.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.727.192.000	2.727.192.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		1.627.114.619	919.535.932
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.343.776.847	11.459.409.214
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**521.928.154**	**462.099.870**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**182.105.734.169**	**186.564.857.683**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mai Hoa	Nguyễn Đình Chung

SĐKKD:0200793081-CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI Q.HẢI AN T.P HẢI PHÒNG

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	124.962.713.454	98.920.029.788
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.18	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	124.962.713.454	98.920.029.788
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.20	77.896.336.935	65.766.386.925
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.066.376.519	33.153.642.863
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	860.535.969	777.207.205
7.	Chi phí tài chính	22	VI.22	6.872.078.315	5.396.293.187
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.864.967.277*	*5.358.405.173*
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.485.425.821	13.473.066.827
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.569.408.352	15.061.490.054
11.	Thu nhập khác	31		2.436.498.780	9.459.043.051
12.	Chi phí khác	32		2.139.062.252	7.867.762.702
13.	Lợi nhuận khác	40		297.436.528	1.591.280.349
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.866.844.880	16.652.770.403
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	3.806.619.382	2.892.030.793
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.24	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.060.225.498	13.760.739.610
17.1	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*	*61*		*79.158.202*	*105.769.951*
17.2	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ*	*62*		*11.981.067.296*	*13.654.969.659*
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	1197	1510

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mai Hoa	Nguyễn Đình Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	180.655.845.401	172.339.799.165
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(41.755.433.762)	(55.141.642.230)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.623.584.086)	(13.629.159.408)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.486.356.025)	(3.089.766.119)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.378.897.678)	(430.442.701)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	122.790.675.300	44.239.820.715
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(119.124.286.552)	(61.634.938.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***111.077.962.598***	***82.653.670.894***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS DH khác	21	(891.900.740)	(3.646.154.937)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	57.436.528	22.354.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.570.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273.735.686	5.921.759.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(560.728.526)***	***1.527.958.971***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	14.847.192.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.375.613.981	18.805.591.071
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.169.469.253)	(99.910.984.303)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(1.483.470.332)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.185.302.951)	(3.332.409.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(124.979.158.223)***	***(71.074.081.482)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(14.461.924.151)**	**13.107.548.383**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	16.585.854.761	3.478.306.378
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2.123.930.610**	**16.585.854.761**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mai Hoa	Nguyễn Đình Chung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0200793081** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Theo đó;

Vốn điều lệ : 100.800.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Vốn góp thực tế : 100.795.330.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)

1.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất

01	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải
02	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ
03	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải
04	Cty TNHH SX & TM Duyên Hải
05	Công ty TNHH MTV Vận đa phương thức Duyên Hải

1.3 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ
01	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99.68%
02	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	99.68%
03	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	99,35%
04	Cty TNHH SX & TM Duyên Hải	99%
05	Công ty TNHH MTV Vận đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100%

1.4 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Vận tải hàng hoá đường sắt; Vận tải hàng hoá ven biển;
- Vận tải hàng hoá viễn dương;
- Vận tải hàng hoá hàng không;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, bán rơ moóc;
- Dịch vụ khai thác cảng biển, khai thác cảng thông quan nội địa, dịch vụ XNK hàng hoá;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn nước hoa , hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)

II. NIÊN ĐỘ, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo và được phân loại lại theo Thông tư 244/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ

(-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá.Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được hạch toán theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian trích khấu hao cụ thể như sau:

Danh mục tài sản cố định	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 33
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi, lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chí phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

9. Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

13. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty mẹ và 04 công ty con (Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải, Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải, Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải, Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội) được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 25% đối với hoạt động kinh doanh của mình..

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ đang được hưởng ưu đãi thuế với mức thuế suất là thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời gian 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động. Được miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Được miễn thuế nhập khẩu các thiết bị, máy móc phương tiện vận tải, … theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/QĐ-CT, ngày 19 tháng 05 năm 2005 của UBND Tỉnh Phú Thọ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ và các Công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	**882.829.519**	**10.181.000.730**
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*511.825.528*	*9.425.487.004*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*128.206.878*	*183.164.823*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*52.982.261*	*33.129.403*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*81.744.923*	*61.046.207*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*60.311.751*	*425.153.336*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải	*47.758.178*	*53.019.957*
Tiền gửi ngân hàng	**1.241.101.091**	**6.404.854.031**
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*204.923.809*	*3.307.084.752*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*173.689.770*	*238.417.528*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*589.315.672*	*560.590.177*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*231.059.882*	*1.123.651.738*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*26.138.284*	*886.167.370*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải	*15.973.674*	*288.942.466*
Cộng:	**2.123.930.610**	**16.585.854.761**

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*383.593.503*	*3.177.815.861*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*520.247.294*	*398.118.863*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*4.149.335.507*	*1.108.371.828*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*1.302.124.677*	*1.017.574.480*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*33.249.045*	*66.254.025*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải		*138.887.191*
Cộng:	**6.388.550.026**	**5.907.022.248**

03. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	**-**	**938.766.312**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	*-*	*766.773.786*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*-*	*171.992.526*
Công cụ, dụng cụ	**82.854.955**	**172.151.223**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*-*	*95.259.450*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*41.387.226*	*41.387.226*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*41.467.729*	*35.504.547*
Chi phí SXKD dở dang	**50.114.150**	**53.924.917**
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*50.114.150*	*53.924.917*
Hàng hoá	**6.261.185.381**	**2.621.135.609**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*171.028.506*	-
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*1.160.420.074*	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*3.461.010.023*	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*1.468.726.778*	*2.621.135.609*
Cộng:	**6.394.154.486**	**3.785.978.061**

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Thuế GTGT còn được khấu trừ	***225.237.992***	***954.963.735***
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*137.544.954*	*595.033.932*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*83.477.681*	*351.573.308*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	-
Cty TNHH Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	*4.215.357*	*8.356.495*
Thuế khác	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Cộng:	**225.237.992**	**954.963.735**

05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
I. Nguyên giá tài sản cố định	***101.227.234.663***	***92.535.482.879***
Nhà cửa vật kiến trúc	*40.377.404.074*	*39.582.359.930*
Máy móc thiết bị	*15.754.475.312*	*7.916.496.217*
Phương tiện vận tải	*44.367.278.721*	*44.352.600.721*
Tài sản cố định khác	*728.076.556*	*684.026.011*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	***25.313.431.153***	***20.417.590.878***
Nhà cửa vật kiến trúc	*8.737.496.268*	*6.664.535.285*
Máy móc thiết bị	*4.868.038.863*	*3.507.805.980*
Phương tiện vận tải	*11.157.161.626*	*9.832.361.567*
Tài sản cố định khác	*550.734.396*	*412.888.046*
III. Giá trị còn lại	***75.913.803.510***	***72.117.892.001***
Nhà cửa vật kiến trúc	*31.639.907.806*	*32.917.824.645*
Máy móc thiết bị	*10.886.436.449*	*4.408.690.237*
Phương tiện vận tải	*33.210.117.095*	*34.520.239.154*
Tài sản cố định khác	*177.342.160*	*271.137.965*

06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	**5.349.655.238**	**5.349.655.238**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*5.349.655.238*	*5.349.655.238*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	**2.173.297.620**	**1.504.590.660**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*2.173.297.620*	*1.504.590.660*
III. Giá trị còn lại	**3.176.357.618**	**3.845.064.578**

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*3.176.357.618*	*3.845.064.578*

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	**4.025.602.015**	**4.025.602.015**
Quyền sử dụng đất	*2.167.033.584*	*2.167.033.584*
Tài sản cố định vô hình khác	*1.858.568.431*	*1.858.568.431*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	**1.250.416.119**	**1.094.926.215**
Quyền sử dụng đất	*297.564.127*	*235.648.879*
Tài sản cố định vô hình khác	*952.851.992*	*859.277.336*
III. Giá trị còn lại	**2.775.185.896**	**2.930.675.800**
Quyền sử dụng đất	*1.869.469.457*	*1.931.384.705*
Tài sản cố định vô hình khác	*905.716.439*	*999.291.095*

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	*128.318.180*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	*2.053.542.684*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*5.603.958.978*	*5.549.349.978*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*83.248.087*	*83.248.087*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*11.220.856.560*	*1.179.196.464*
Cộng:	**16.908.063.625**	**8.993.655.393**

09. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng chờ phân bổ		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*142.757.325*	*248.320.102*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*420.285.230*	*436.645.455*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*303.284.901*	*505.800.462*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*982.066.583*	*936.389.680*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*205.148.800*	*51.580.799*
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*18.879.368*	*55.528.106*
Cộng:	**2.072.422.207**	**2.234.264.604**

10. Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại	*33.310.780.170*	*37.474.627.691*
Cộng:	**33.310.780.170**	**37.474.627.691**

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*3.685.100.295*	*5.926.861.649*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*12.031.333.280*	*12.873.599.236*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*4.708.367.398*	*7.946.977.361*

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*3.201.510.117*	*3.478.625.000*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*3.627.487.974*	*5.972.580.266*
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*1.946.972.273*	*1.400.000.000*
Cộng:	**29.200.771.337**	**37.598.643.512**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Thuế GTGT	**832.992.742**	**162.802.465**
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*186.566.226*	41.843.785
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	(704.194)	51.485.755
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	125.514.157	69.472.925
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	379.020.110	
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	142.596.443	
- Thuế nhập khẩu	-	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.993.123.716**	**2.835.713.578**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*563.507.431*	*475.166.296*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	762.480.997	*1.264.340.206*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	448.426.577	*666.197.738*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*203.374.734*	*361.253.386*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	15.333.977	*68.755.952*
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	**47.265.879**	**22.192.800**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*2.294.728*	*5.481.205*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.107.229	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*35.505.833*	*740.843*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải		*4.444.069*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	8.358.089	*11.526.683*
Cộng:	**2.873.382.337**	**3.020.708.843**

13. Chi phí phải trả	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Chi phí phải trả	*105.290.224*	*281.828.031*
Cộng:	**105.290.224**	**281.828.031**

14. Phải trả, phải nộp khác	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Phải trả, phải nộp khác	**3.438.877.512**	**675.262.024**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*299.837.580*	*331.823.382*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*554.028.491*	*180.140.000*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*59.485.750*	*24.579.851*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*1.004.709.895*	*98.037.587*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*1.504.185.796*	*29.311.426*

Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*16.630.000*	*11.369.778*
Cộng:	**3.438.877.512**	**675.262.024**

15. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	**11.476.261.344**	**11.059.255.363**
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
Ngân hàng đầu tư và phát triển VN- CN Hải Phòng	2.646.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
Ngân hàng GP.BANK	-	1.325.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Phú Thọ	291.666.665	458.333.333
Ngân hàng cổ phần Công thương Nam Việt Trì	1.330.000.000	-
Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Phú Thọ		96.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
Ngân hàng công thương Ngô Quyền	340.194.110	-
Đối tượng khác	-	1.416.994.110
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng	6.868.400.569	7.762.927.920
Nợ dài hạn	**1.353.018.000**	**3.280.559.670**
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
CN Công ty cho thuê Tài chính 1 Hải Phòng	1.353.018.000	3.280.559.670
Cộng:	**12.829.279.344**	**14.339.815.033**

16. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)

b, Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	*71.579.280.000*	*70.473.360.000*
Vốn góp của CBCNV	*4.265.760.000*	*3.645.490.000*
Vốn góp của Cổ đông ngoài	*24.950.290.000*	*26.676.480.000*
Cộng:	**100.795.330.000**	**100.795.330.000**

c, Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	**Năm trước**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*100.795.330.000*	*90.900.000.000*
+ Vốn góp tăng trong năm		*9.895.330.000*
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	*100.795.330.000*	*100.795.330.000*
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	**Năm nay**	**Năm trước**
+ Cổ đông thiểu số	*105.769.951*	*19.329.918*
+ Cổ đông của Công ty Mẹ	*10.079.533.000*	*3.313.080.000*

d, Cổ tức	**Năm nay**	**Năm trước**
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	*Chưa công bố*	*10%*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi luỹ kế chưa được ghi nhận	-	-

đ, Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**10.079.533**	**10.079.533**
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**10.079.533**	**9.090.000**
+ Cổ phiếu phổ thông	*10.079.533*	*9.090.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

17.Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*124.962.713.454*	*98.920.029.788*
Cộng:	**124.962.713.454**	**98.920.029.788**

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*124.962.713.454*	*98.920.029.788*
Cộng:	**124.962.713.454**	**98.920.029.788**

20. Giá vốn hàng bán	**Năm nay**	**Năm trước**
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ	77.896.336.935	65.766.386.925
Cộng:	**77.896.336.935**	**65.766.386.925**

21. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	*398.776.700*	*370.469.660*
Chênh lệch tỷ giá	82.620.542	*331.010.203*
Doanh thu HĐTC khác	379.138.727	*75.727.342*
Cộng:	**860.535.969**	**777.207.205**

22. Chi phí hoạt động tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
Lãi tiền vay	*6.864.967.277*	*5.358.405.173*
Chênh lệch tỷ giá	*7.111.038*	*37.888.014*

Cộng:	**6.872.078.315**	**5.396.293.187**

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	*3.806.619.382*	*2.892.030.793*
Cộng	**3.806.619.382**	**2.892.030.793**

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	*47.393.110.489*	*23.749.596.186*
Chi phí nhân công	*20.393.440.695*	*11.900.513.858*
Chi phí khấu hao TSCĐ	*9.727.865.567*	*6.926.011.321*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	*43.638.977*	*18.421.246.859*
Chi phí khác bằng tiền	*338.281.207*	*4.893.461.972*
Cộng:	**77.896.336.935**	**65.890.830.196**

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.060.225.498	13.760.739.610
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.060.225.498	13.760.739.610
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.079.533	9.111.746
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.197**	**1.510**

27. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp

	Năm nay
a. Bố trí cơ cấu tài sản:	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	*75%*
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	*25%*
b. Tỷ suất sinh lợi:	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	*10%*
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	*10%*
c. Tình hình tài chính:	
- Tỷ lệ nợ phải trả /Tổng tài sản	*35%*
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	*1%*
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	*83%*

VII. Thông tin khác

28. Thông tin về các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Giao dịch phát sinh Công ty mẹ với Công ty con	**Quan hệ với Công ty**	**Năm nay**
- Giá vốn dịch vụ		**8.066.642.011**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*4.420.004.162*

Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*1.079.528.795*
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*2.567.109.054*
- Doanh thu dịch vụ		**6.356.549.924**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*919.276.803*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*60.040.074*
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*5.349.661.358*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*Công ty con*	*24.703.594*
Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	*Công ty con*	*2.868.095*
- Phải thu khách hàng		**Tại ngày 31/12/2010**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*1.293.594.520*
- Các khoản phải thu khác		**Tại ngày 31/12/2010**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*1.500.000.000*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*Công ty con*	*8.500.000.000*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*1.300.000.000*
Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	*Công ty con*	*356.630.000*
- Phải trả người bán		**Tại ngày 31/12/2010**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*264.247.182*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*112.703.361*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*1.011.706.970*
- Các khoản phải trả khác		**Tại ngày 31/12/2010**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*28.045.600*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*735.258.140*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*Công ty con*	*5.471.391*

29. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và đã được phân loại lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tà chính.

30. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằn Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

31. Thông tin về thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiê những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ nên việc xác định sau cùng là tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra c cơ quan thuế có thẩm quyền.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ MAI HOA	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

PHU LUC SỐ 01:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quĩ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	**90.900.000.000**	**-**	**-**	**3.372.928.915**	**94.272.928.915**
Tăng vốn trong năm trước	9.895.330.000		919.535.932	-	10.814.865.932
Lãi trong năm trước			-	30.044.162.687	30.044.162.687
Tăng khác		2.727.192.000	-	15.235.840	2.742.427.840
Giảm vốn trong năm trước	-		-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	21.972.918.228	21.972.918.228
					-
2. Số dư cuối năm trước	**100.795.330.000**	**2.727.192.000**	**919.535.932**	**11.459.409.214**	**115.901.467.146**
3. Số dư đầu năm nay	**100.795.330.000**	**2.727.192.000**	**919.535.932**	**11.459.409.214**	**115.901.467.146**
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	27.996.190.277	27.996.190.277
Tăng khác	-	-	826.622.327		826.622.327
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	323.449.135	323.449.135
Giảm khác	-	-	119.043.640	25.788.373.509	25.907.417.149
					-
4. Số dư cuối năm nay	**100.795.330.000**	**2.727.192.000**	**1.627.114.619**	**13.343.776.847**	**118.493.413.466**